

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 02 năm 2008.

Trụ sở được đặt tại 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Hà Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lê Đình Hòa	Thành viên
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Đình Hiến	Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Quý	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2012

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN

Số: 13.112/BCSX-2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUỐC THẮNG

Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG

Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.879.574.606	105.794.497.094
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.489.068.195	3.382.471.245
1. Tiền	111	5.1	10.489.068.195	3.382.471.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.370.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.515.448.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(2.145.448.000)
III. Các khoản phải thu	130	5.1	60.937.533.582	90.302.812.605
1. Phải thu khách hàng	131		50.251.590.037	78.669.192.478
2. Trả trước cho người bán	132		562.628	877.724.210
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		10.721.779.000	10.792.294.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(36.398.083)	(36.398.083)
IV. Hàng tồn kho	140		4.886.639.000	10.318.639.000
1. Hàng tồn kho	141	5.3	4.886.639.000	10.318.639.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		566.333.829	420.574.244
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	566.333.829	420.574.244

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.918.545.227	34.132.077.686
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.358.490.627	21.916.091.184
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	16.108.490.627	19.666.091.184
+ Nguyên giá	222		56.549.534.411	56.549.534.411
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.441.043.784)	(36.883.443.227)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		2.250.000.000	2.250.000.000
+ Nguyên giá	228		2.250.000.000	2.250.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.6	17.560.054.600	12.215.986.502
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		18.536.027.000	15.925.940.902
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(975.972.400)	(3.709.954.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		112.798.119.833	139.926.574.780

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.339.322.169	75.360.432.566
I. Nợ ngắn hạn	310		44.169.428.836	75.153.282.608
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	9.838.769.660
2. Phải trả người bán	312	5.7	19.696.000.344	28.744.347.544
3. Người mua trả tiền trước	313	5.7	13.443.580.934	19.149.556.739
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	6.295.171.347	7.281.729.426
5. Phải trả người lao động	315	5.9	554.916.500	159.161.500
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	1.571.391.869	7.590.717.611
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.10	2.000.000.000	2.000.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	608.367.842	389.000.128
II. Nợ dài hạn	330		169.893.333	207.149.958
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		169.893.333	207.149.958
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.458.797.664	64.566.142.214
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	68.458.797.664	64.566.142.214
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.447.352.500	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.133.960.000)	(3.133.960.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.300.000.000	21.700.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.000.000.000	2.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.845.405.164	11.552.749.714
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		112.798.119.833	139.926.574.780

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 7 năm 2012

GIÁM ĐỐC

HÀU VĂN TUẤN

LÊ ĐÌNH HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	45.516.063.195	78.945.311.456
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	45.516.063.195	78.945.311.456
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	38.501.335.663	61.862.226.649
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.014.727.532	17.083.084.807
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.155.232.865	747.749.097
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(3.133.672.067)	5.015.693.778
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		315.809.933	1.237.369.178
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	3.762.084.368	3.635.509.316
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.541.548.096	9.179.630.810
11. Thu nhập khác	31		351.030	272.726.319
12. Chi phí khác	32		500.201	-
13. Lợi nhuận khác	40		(149.171)	272.726.319
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.541.398.925	9.452.357.129
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	1.695.993.761	2.219.909.631
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.13	8.845.405.164	7.232.447.498
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		4.738	3.624

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 7 năm 2012

GIÁM ĐỐC

HÀU VĂN TUẤN

LÊ ĐÌNH HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.541.398.925	9.452.357.129
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.557.600.557	4.295.691.820
Các khoản dự phòng	03		(4.879.430.000)	3.702.022.600
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.155.232.865)	(1.020.475.416)
Chi phí lãi vay	06		315.809.933	1.237.369.178
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.380.146.550	17.666.965.311
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.649.467.438	(5.504.298.270)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.432.000.000	(7.210.000.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(16.214.198.158)	4.445.244.174
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(315.809.933)	(1.237.369.178)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.218.504.054)	(795.829.500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		47.085.500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(45.065.882.000)	(102.486.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		24.732.719.843	7.262.225.840
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(135.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.958.166.098	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.007.570.000)	(611.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.397.483.902	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.197.066.767	747.749.097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.545.146.767	(1.317.232.721)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.178.330.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.548.549.000	28.874.244.300
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18.387.318.660)	(30.980.502.800)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.332.500.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.171.269.660)	(9.284.588.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		7.106.596.950	(3.339.595.381)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.382.471.245	4.762.002.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		10.489.068.195	1.422.407.246

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 7 năm 2012

GIÁM ĐỐC**HÀU VĂN TUẤN****LÊ ĐÌNH HIỂN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Khách sạn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính này:

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	7.676.502.638	1.673.514.116
Tiền gửi ngân hàng	2.812.565.557	1.708.957.129
Tổng cộng	10.489.068.195	3.382.471.245

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	50.251.590.037	78.669.192.478
Trả trước cho người bán	562.628	877.724.210
Các khoản phải thu khác	10.721.779.000	10.792.294.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	60.973.931.665	90.339.210.688
Dự phòng phải thu khó đòi	(36.398.083)	(36.398.083)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	60.937.533.582	90.302.812.605

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu từ cá nhân vay	293.500.000	184.015.000
Phải thu cho các tổ chức vay	10.428.279.000	10.608.279.000
Cộng	10.721.779.000	10.792.294.000

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.639.000	8.639.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.878.000.000	10.310.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.886.639.000	10.318.639.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	4.886.639.000	10.318.639.000

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kênh chính Sông ray Góí 42 cầu máng	-	2.000.000.000
Hồ chứa nước Sông Dinh 3 Bình Thuận	3.458.000.000	4.860.000.000
Hồ chứa nước Thôn 5 Đạ tẻh	1.000.000.000	1.000.000.000
Kênh chính Sông Ray Góí 44 BR-VT	-	2.000.000.000
Công trình Lộc Thạnh Bình Phước	-	450.000.000
Hồ chứa nước Đa chao Huyện Đam rông	420.000.000	-
Tổng cộng	4.878.000.000	10.310.000.000

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho nhân viên văn phòng, công nhân và trưởng ban chỉ huy các công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.569.266.331	50.377.355.518	4.050.527.468	552.385.094	56.549.534.411
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.569.266.331	50.377.355.518	4.050.527.468	552.385.094	56.549.534.411
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	748.405.179	33.088.528.441	2.668.027.909	378.481.698	36.883.443.227
Khấu hao trong kỳ	21.142.356	3.254.371.929	224.431.428	57.654.844	3.557.600.557
Số dư cuối kỳ	769.547.535	36.342.900.370	2.892.459.337	436.136.542	40.441.043.784
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	820.861.152	17.288.827.077	1.382.499.559	173.903.396	19.666.091.184
Tại ngày cuối kỳ	799.718.796	14.034.455.148	1.158.068.131	116.248.552	16.108.490.627

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.502.765.851 đồng.

5.6. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	18.536.027.000	15.925.940.902
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	18.536.027.000	15.925.940.902
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(975.972.400)	(3.709.954.400)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	17.560.054.600	12.215.986.502

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	1.600.000	15.536.027.000	850.006	9.744.997.000
Đầu tư cổ phiếu HEC II	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu VDL	-	-	175.090	3.180.943.902
Cộng		18.536.027.000		15.925.940.902

5.7. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	19.696.000.344	28.744.347.544
Người mua trả tiền trước	13.443.580.934	19.149.556.739
Tổng cộng	33.139.581.278	47.893.904.283

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.324.217.744	2.615.885.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.874.302.958	4.396.813.251
Thuế thu nhập cá nhân	13.886.400	24.674.000
Thuế tài nguyên	79.741.245	235.980.673
Các khoản phí, lệ phí	3.023.000	8.376.000
Tổng cộng	6.295.171.347	7.281.729.426

5.9. Phải trả người lao động

Là khoản lương còn phải trả.

5.10. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng bảo hành công trình.

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	473.351.869	328.677.611
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.098.040.000	7.262.040.000
Tổng cộng	1.571.391.869	7.590.717.611

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	320.000.000	320.000.000
Vay mượn cá nhân tạm thời	461.790.000	2.016.790.000
Tiền ký quỹ thế chân lái xe	140.000.000	147.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000
Thu tiền thuê cốt pha công trình	60.000.000	60.000.000
Cổ tức	2.500.000	4.667.500.000
Thu hồi nhiên liệu 2010	63.000.000	-
Tổng cộng	1.098.040.000	7.262.040.000

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số dư đầu năm	389.000.128	269.975.123
Trích lập trong kỳ	285.249.714	257.157.066
Sử dụng trong kỳ	(65.882.000)	(57.145.697)
Số dư cuối kỳ	608.367.842	469.986.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000	12.447.353	-	18.500.000	11.457.157	62.404.509
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	16.220.250	16.220.250
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.200.000	(5.457.157)	(257.157)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.667.500)	(10.667.500)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.133.960)	-	-	(3.133.960)
Số dư đầu năm nay	20.000.000	12.447.353	(3.133.960)	23.700.000	11.552.750	64.566.143
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	8.845.405	8.845.405
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.600.000	(6.885.250)	(285.250)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.667.500)	(4.667.500)
Số dư cuối kỳ	20.000.000	12.447.353	(3.133.960)	30.300.000	8.845.405	68.458.798

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của cá nhân.

5.13.3. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(133.000)	(50.400)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.867.000	1.949.600

- Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
Lãisau thuế của cổ đông của Công ty	8.845.405.164	7.232.447.498
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.867.000	1.995.503
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	4.738	3.624

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.508.818.654	78.935.151.487
Doanh thu cho thuê nhà nghỉ	7.244.541	10.159.969
Doanh thu thuần	45.516.063.195	78.945.311.456

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.501.335.663	61.862.226.649
Tổng cộng	38.501.335.663	61.862.226.649

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	347.060.767	143.110.497
Cổ tức, lợi nhuận được chia	850.006.000	604.638.600
Lãi bán cổ phiếu	2.958.166.098	-
Tổng cộng	4.155.232.865	747.749.097

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	315.809.933	1.237.369.178
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	(3.449.482.000)	3.778.324.600
Tổng cộng	(3.133.672.067)	5.015.693.778

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.975.607.852	2.302.134.054
Chi phí vật liệu quản lý	1.633.600	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.400.000	81.240.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.228.628	315.353.660
Chi phí bằng tiền khác	1.471.214.288	936.780.716
Tổng cộng	3.762.084.368	3.635.509.316

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	10.541.398.925	9.452.357.129
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(850.006.000)	(604.638.600)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.691.392.925	8.847.718.529
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.422.848.231	2.211.929.631
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo nghị quyết 29/ND-CP ban hành ngày 21/6/2012 của Chính phủ	(726.854.470)	-
Thuế TNDN tăng do quyết toán thuế	-	7.980.000
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	1.695.993.761	2.219.909.631

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.262.002.086	51.844.957.688
Chi phí nhân công	8.007.778.324	9.768.551.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.557.600.558	3.980.338.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.175.552.211	2.245.842.201
Chi phí khác bằng tiền	2.828.486.852	1.232.537.311
Tổng cộng	36.831.420.031	69.072.226.649

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không có báo cáo bộ phận vì hoạt động Công ty chủ yếu là xây dựng công trình thủy lợi. Công ty cũng không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	62.400.000	76.200.000
Lương Tổng Giám đốc	202.018.000	141.500.000
Tổng cộng	264.418.000	217.700.000

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.489.068.195	3.382.471.245
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.936.970.954	89.425.088.395
Đầu tư ngắn hạn	-	1.370.000.000
Đầu tư dài hạn khác	17.560.054.600	12.215.986.502
Tổng cộng	88.986.093.749	106.393.546.142
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	9.838.769.660
Phải trả người bán và phải trả khác	20.743.290.344	35.955.637.544
Chi phí phải trả	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	22.743.290.344	47.794.407.204

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	20.743.290.344	20.743.290.344
Các khoản vay	-	-
Chi phí phải trả	2.000.000.000	2.000.000.000
31/12/2011	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	35.955.637.544	35.955.637.544
Các khoản vay	9.838.769.660	9.838.769.660
Chi phí phải trả	2.000.000.000	2.000.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.936.970.954	60.936.970.954
31/12/2011	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.425.088.395	89.425.088.395

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 7 năm 2012.

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 7 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

HẦU VĂN TUẤN

LÊ ĐÌNH HIỂN